

90Z6

90Z6 EPA TIER 3, EU STAGE ĐÃ ĐƯỢC CHỨNG NHẬN

DUNG TÍCH GẤU: 3.4 m³ - 4.5 m³

CÔNG SUẤT ĐỘNG CƠ 212kW 284HP

TRỌNG LƯỢNG VẬN HÀNH 23,230kg



XE XÚC LẬT

90Z6

made in
Japan **KCM**

Xe xúc lật hoạt động trong nhiều loại môi trường khác nhau từ rất nóng đến rất lạnh, từ môi trường đầy bụi bẩn đến môi trường cực kì khắc nghiệt. Người tiêu dùng luôn mong muốn thiết bị của họ hoạt động với công suất tối đa cùng với suất tiêu hao nhiên liệu là tối ưu. Dòng xe xúc lật seri Z6 của KCM là máy mới được phát triển sử dụng công nghệ tối tân của Nhật. Công nghệ tiên tiến này cho phép người vận hành đạt được cả tiêu chí về công suất thiết bị và suất tiêu thụ nhiên liệu. Ngoài ra, xe xúc lật còn cung cấp sự nổi bật về chất lượng thiết bị, tính tiện nghi của cabin và độ bền lâu dài. Tất cả các tính chất trên đã được tích hợp trong cùng một sản phẩm máy xúc lật này.



• Máy trên hình có thể chứa các hạng mục tùy chọn. Vui lòng liên hệ với các đại lý địa phương để biết được các hạng mục tùy chọn sẵn có.

SỰ KHÁC BIỆT CỦA SẢN PHẨM KCM

Hiệu quả. Công suất. Thông minh. Tiện nghi

KCM có lịch sử lâu đời như là đơn vị tiên phong trong việc đổi mới các dòng xe xúc lật. Là đơn vị đi đầu trong việc sử dụng khớp nối chữ Z, KCM không ngừng đưa ra thị trường các sản phẩm mang tính đột phá. Dòng seri Z6 tiếp tục được tung ra thị trường với các đặc điểm vượt trội, những sáng chế mới ra đời từ sự đóng góp của người tiêu dùng cùng đội ngũ thợ vận hành trên khắp thế giới.

Dòng máy thế hệ Z6 đã được sản xuất và dẫn đầu đã chiếm lĩnh vị trí hàng đầu trong loạt xe xúc lật cùng phân khúc.

Mối quan hệ

Thông qua thỏa thuận dài hạn nhằm duy trì vị trí dẫn đầu về mặt công nghệ, dịch vụ và các hỗ trợ. KCM cung cấp một hệ thống mạng lưới rộng lớn với các đại lý khu vực, độc lập nhằm tập trung cung cấp các dịch vụ, các kinh nghiệm và thông tin bán hàng cũng như các loại phụ tùng và nhân lực hỗ trợ khách hàng. Tất cả các dịch vụ này đều được đội ngũ hỗ trợ của KCM đảm nhận.

Nhà phân phối KCM địa phương luôn được trang bị đầy đủ không chỉ về các kinh nghiệm, thông tin thiết bị mà còn về các phụ tùng và cả nhân lực để đảm bảo rằng khách hàng luôn nhận được những tiện ích tốt nhất từ nguồn đầu tư từ chính hãng.

1. Hiệu quả

Hệ thống vận hành thông minh của máy dòng Z6 giúp đẩy nhanh chu kì máy, đồng thời giảm chi phí hoạt động máy.

2. Công suất

Chế độ Power khi vận hành thông thường cho phép thợ vận hành cài đặt công suất ứng với từng ứng dụng để nhằm đạt được hiệu quả nhất về công việc và mức độ tiêu hao nhiên liệu đảm bảo tính kinh tế.

3. Thông minh

Hệ thống vận hành thông minh KCM với tính logic tinh vi, điều khiển dựa trên việc tiếp nhận các tín hiệu ngõ vào từ hệ thống máy. Hệ thống này sẽ điều chỉnh bộ phận động cơ và các hệ thống thủy lực nhằm cung cấp nguồn năng lượng tối ưu ứng với từng điều kiện làm việc đa dạng. Điều này cho phép xe xúc lật Z6 đạt được tính năng hiệu quả tối đa.

4. Tiện lợi

Khoang điều khiển mới của dòng Z6 với các đặc điểm: Bảng điều khiển thấp, cửa sổ bằng kính, cửa sổ phía trước trong suốt có thể quan sát xung quanh và khu vực lưu trữ dụng cụ lớn. Thiết bị cung cấp một không gian tiện lợi cho thợ vận hành.



Hiệu quả và công suất

Hiệu quả chính là việc hoàn thành công việc mà ít có sự lãng phí vật tư. Dòng Z6 là dòng xe xúc lật có được tính năng ấy.

Hệ thống thủy lực được thiết kế nhằm tối đa tính hiệu quả làm việc cho máy. Hệ thống này và các hệ thống điều khiển tạo nên tính năng vận hành hiệu quả

Tính năng suất và hiệu suất làm việc của máy là cái mà KCM tự hào khi mang đến. Máy thế hệ Z6 đã vươn đến một cấp độ khác trong

Động cơ khỏe và nhạy giúp cho công việc được hoàn thành một cách trọn vẹn.

Hệ thống thủy lực giúp cho máy hoạt động dễ dàng và cực kì năng suất.



• Máy trên hình có thể bao gồm các hạng mục tùy chọn. Hãy liên hệ với nhà cung cấp địa phương để biết được các hạng mục tùy chọn có sẵn.

Mới Chế độ Power

Hai chế độ vận hành, chế độ Thông thường và chế độ Power. Cho phép người vận hành lựa chọn để tối ưu khả năng tiết kiệm nhiên liệu và hiệu suất làm việc. Ở chế độ Thông thường người vận hành có thể thi công với hầu hết các tác vụ tại công trường trong khi vẫn đạt được khả năng tiết kiệm nhiên liệu cao. Chuyển sang chế độ Power khi cần xử lý các tác vụ khó khăn hơn nhằm tối ưu thời gian thi công. Giữa hai chế độ có thể dễ dàng lựa chọn bằng công tắc trên giao diện điều khiển.



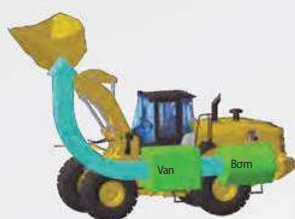
Mới Công tắc Quick Power (QPS)

Trong hầu hết thời gian làm việc, chế độ Power đôi khi không cần thiết. Thông thường khi leo dốc hoặc xúc yêu cầu cung cấp năng lượng từ động cơ trong 1 thời gian ngắn. Các nút QPS cho phép người vận hành có được năng lượng từ máy một cách nhanh chóng và hiệu quả trong khi vẫn đạt được khả năng tiết kiệm nhiên liệu.



Mới Sử dụng nguồn dầu thủy lực hiệu quả

Thiết kế mới với cảm biến tải trọng nhằm cung cấp dòng dầu thủy lực và pit tổng biến thiên để tối ưu được năng lượng của dòng dầu thủy lực theo yêu cầu thi công để tối đa việc tiết kiệm nhiên liệu.



Nhanh

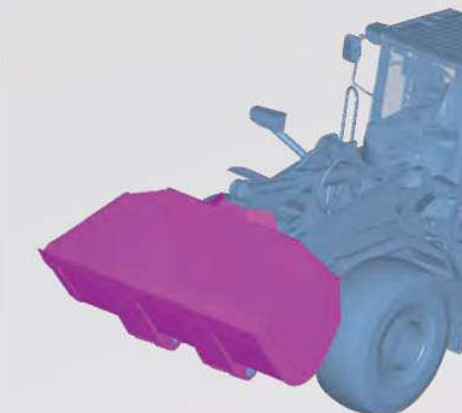


Chậm

Dòng thủy lực

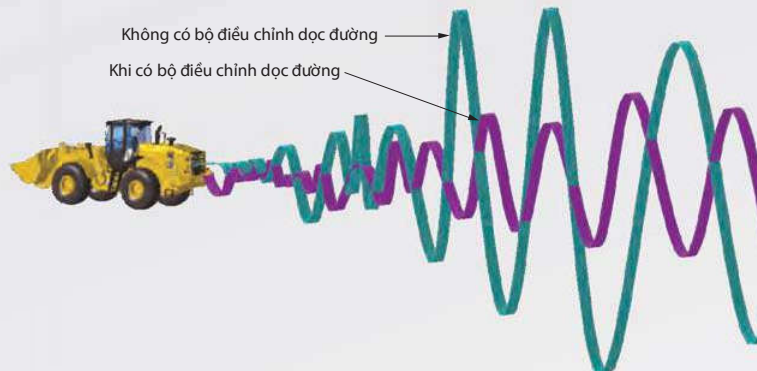
Mới Cải thiện năng suất của gầu

Vật liệu nhẹ dùng để chế tạo gầu để đạt được mục đích chung một cách hiệu quả và tăng năng suất. Thiết kế giúp gầu dễ xúc và khả năng giữ vật liệu tốt hơn. Hơn nữa, giúp giảm nhiên liệu và thời gian thi công.



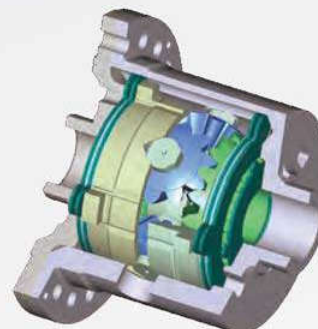
Bộ điều chỉnh dọc đường (tùy chọn)

Bộ điều chỉnh dọc đường tạo nên sự ổn định cho máy khi mang tải và khi vận chuyển. Nó giúp giảm việc máy bị bật nhảy khi di chuyển, cải thiện tính an toàn, năng suất thiết bị và sự êm dịu cho người điều khiển. Hệ thống đi kèm với cảm biến tốc độ, tính năng on/off tự động.



LSD (tùy chọn)

Đối với các ứng dụng yêu cầu lực kéo di chuyển lớn, tùy chọn bộ vi sai trượt giới hạn (LSD) sẽ giúp gia tăng thêm sức kéo di chuyển cho máy.



Thông minh

Tính năng thông minh của xe xúc lật được thể hiện ở chương trình lập trình cho máy và các lệnh xử lý thích ứng với các điều kiện làm việc, nhằm cải thiện tính hiệu quả và năng suất cho máy. Hệ thống thông minh của KCM là một trong tổ hợp các đặc điểm giúp tối ưu tính năng làm việc của máy trong môi trường làm việc cũng như mọi ứng dụng của máy.



Máy trên hình có thể bao gồm các hạng mục tùy chọn. Vui lòng liên hệ với đơn vị phân phối tại địa phương để biết được các hạng mục tùy chọn có sẵn.

Mới

Hệ thống kiểm soát động cơ hiệu quả

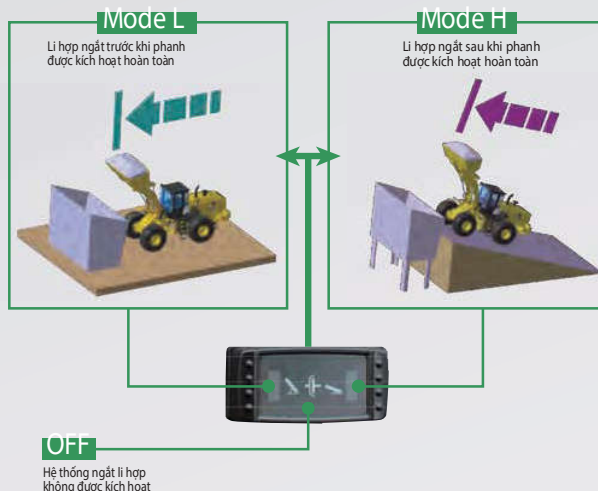
Hệ thống kiểm soát động cơ hiệu quả đóng vai trò quan trọng giúp tiết kiệm nhiên liệu. Các cảm biến giúp xác định các hoạt động của máy và điều chỉnh tốc độ động cơ nhằm giảm tiêu hao nhiên liệu. Điều này tạo nên tính năng vận hành êm dịu và sử dụng nhiên liệu hiệu quả.

Hệ thống kiểm soát động cơ hiệu quả giúp lựa chọn công suất kéo máy tối ưu và lực xúc vật liệu, giúp cho thao tác xúc êm dịu trong khi cải thiện mức tiêu thụ nhiên liệu bằng việc sử dụng nguồn dữ liệu thu nhập được thông qua các cảm biến trên máy.



Hệ thống ngắt li hợp theo tốc độ

Hệ thống ngắt li hợp được điều chỉnh nhờ vào tín hiệu cảm biến tốc độ di chuyển và độ nhả pedal nhằm giúp cho việc vận chuyển vật liệu hiệu quả và êm dịu. Mode L, mode H và OFF là có thể lựa chọn được thông qua công tắc điều khiển, việc lựa chọn này phụ thuộc vào yêu cầu công việc.

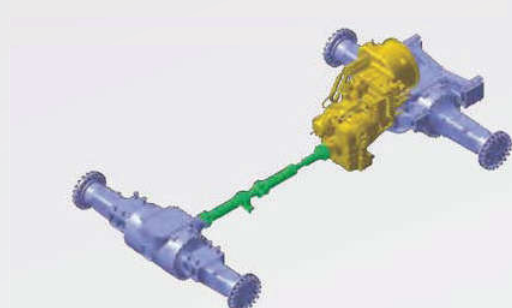


Công tắc ngắt li hợp

Mới

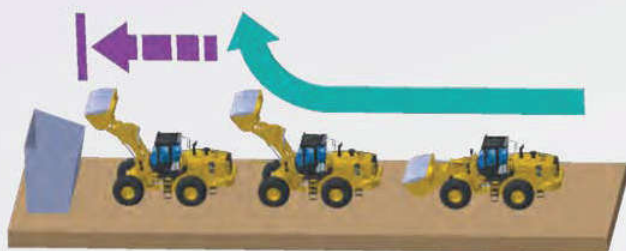
Chuyển số êm ái

Chuyển số tự động một cách êm ái nhằm gia tăng khả năng điều khiển và năng suất làm việc.



Mới

Chuyển chế độ Delay mode để đạt hiệu quả về sử dụng nhiên liệu và hiệu suất máy (Tùy chọn)



Chuyển chế độ Delay mode nhằm tránh sự gia tăng tốc độ di chuyển quá mức trong khi xúc đất và tải vật liệu. Khi máy di chuyển với tay gầu nâng cao, tốc độ ở số 2 sẽ được giữ trong 4s để tránh tình trạng quá tốc độ. Khi đi lùi, tốc độ ở số 2 sẽ được giữ trong 5s. Các trì hoãn này sẽ giúp giữ cho việc tiêu thụ nhiên liệu ở mức thấp trong khi vẫn đảm bảo máy làm việc trơn tru.

Mới

Chế độ sang số tự động

Ba chế độ sang số có sẵn đáp ứng điều kiện thi công và theo ý muốn của người vận hành.

Chế độ "AUTO 1" cho phép chọn cấp số hoàn toàn tự động từ số 1 đến số 4 tùy theo nhu cầu công việc.

Chế độ "AUTO 2" cho phép chọn cấp số tự động từ số 2 đến số 4, khi cần thiết người vận hành có thể về lại số 1 bằng cách sử dụng Switch Shift (DSS)

Chế độ "MANUAL" người vận hành có thể tùy chọn cấp số theo ý muốn và điều kiện làm việc.



Công tắc lựa chọn chế độ

Tiện lợi

Tính tiện lợi là đặc điểm dành cho thợ vận hành. Trong dòng máy KCM Z6, tính tiện lợi là một đặc điểm nổi bật. Yên tĩnh, tiện nghi, sạch sẽ, thiết kế tối ưu cho người vận hành, an toàn và năng suất.



• Máy trên hình có thể gắn kèm thêm tùy chọn. Vui lòng liên hệ với nhà cung cấp địa phương để biết các hạng mục tùy chọn sẵn có.



new Cabin trong suốt

Cabin trong suốt, rộng rãi cung cấp tầm nhìn tốt cho khu vực xung quanh xuyên qua các cửa kính, ít bị che bởi các trụ đỡ. Ghế và vô lăng lái có thể điều chỉnh để thích hợp với người vận hành giúp giữ cho thợ vận hành luôn trong trạng thái làm việc tối ưu nhất. Độ ồn trong cabin được ngăn chặn với bên ngoài. Thậm chí trong điều kiện làm việc rất vất vả, người vận hành vẫn cảm thấy tiện nghi mà không mệt mỏi.

Máy điều hòa không khí tự động, 2 cấp

Máy điều hòa không khí tự động có 2 cấp điều khiển:

Làm ấm khu vực đế chân và làm mát khu vực phía trên đầu

Cabin với chức năng nén khí và đẩy bụi ra ngoài, giữ cho bên trong cabin luôn sạch.

Trong môi trường đầy bụi, lọc 2 lõi bổ sung (tùy chọn), là sẵn có cho máy điều hòa.



Thiết kế tiện nghi ghế nệm lò xo

Ghế nệm lò xo dạng cơ giúp hấp thụ các rung và sốc trong lúc máy làm việc, từ đó, góp phần giảm các mệt mỏi cho người vận hành.

* Ghế nệm lò xo khí nén là một tùy chọn có sẵn



Ghế đệm lắp trên lò xo

Các tay trang dễ vận hành

Với mục đích cung cấp các điều kiện vận hành hiệu quả và tiện lợi, một kiểu tay trang mới được sử dụng tích hợp cả thủ thuật điều khiển tay trang mới được sử dụng tích hợp cả thủ thuật điều khiển bằng các ngón tay và bàn tay.



Hai tay trang



Điều khiển bằng ngón tay



Điều khiển bằng cả bàn tay

Vô lăng lái nghiêng được

Vô lăng lái nghiêng được để vừa với tầm lái của người vận hành



Tiltable steering wheel

Danh mục các phụ tùng giúp tăng tính tiện lợi



Khoang lưu trữ các phụ kiện nhỏ



Hộp giữ ẩm và làm lạnh



Không gian lưu trữ rộng lớn



Khoang chứa gang tay, thuốc lá và gạt tàn thuốc



Hộc giữ cốc nước

BẢO TRÌ BẢO DƯỠNG ĐƠN GIẢN

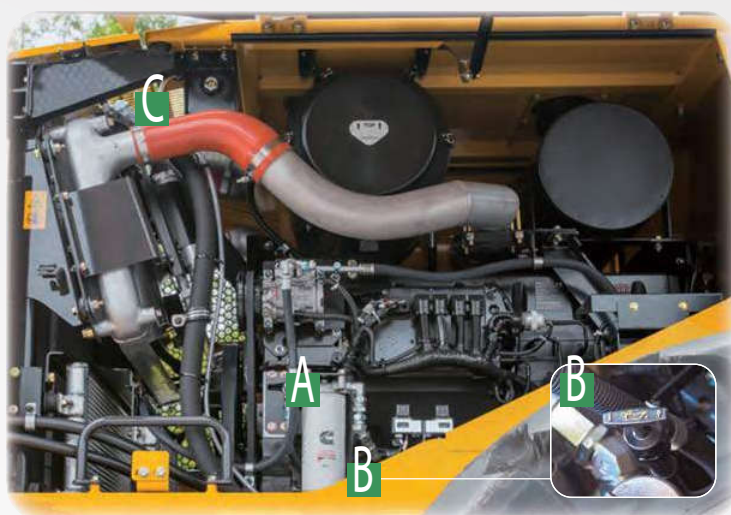
Tính an toàn và các công tác dịch vụ cho máy là 2 điểm nhấn trên dòng seri máy xúc lật KCM Z6.

Điểm nổi bật của máy là ít tiêu tốn thời gian cùng chi phí cho việc bảo trì bảo dưỡng.

Tiêu chuẩn an toàn cao của máy đảm bảo máy có thể đạt được hiệu quả làm việc cao nhất.



* Máy trên hình có thể bao gồm một số hạng mục tùy chọn
và lồng liên hệ với nhà phân phối tại địa phương để biết được các hạng mục tùy chọn.



Bảo trì đơn giản

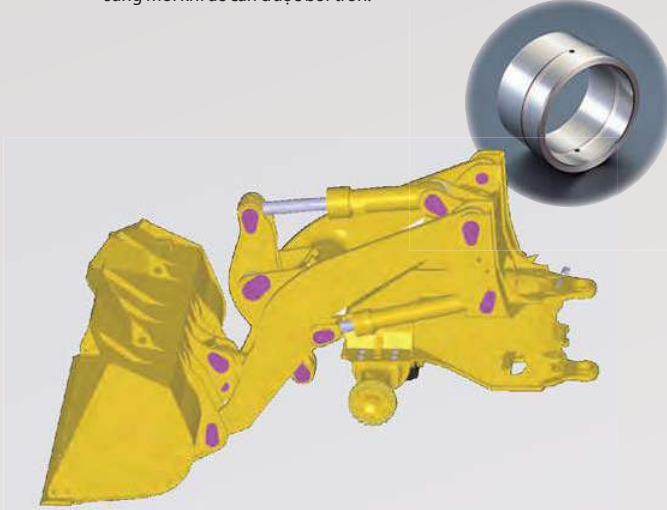
Cơ pô động cơ mở được, giúp cung cấp không gian rộng cho công việc duy tu bảo dưỡng. Các lọc được bố trí thành cụm dễ dàng trong việc kiểm tra và sửa chữa thay thế từ dưới đất.

- A** Lọc thô nhiên liệu
- B** Lọc tinh nhiên liệu
- C** Đồng hồ báo nhớt động cơ

Mới

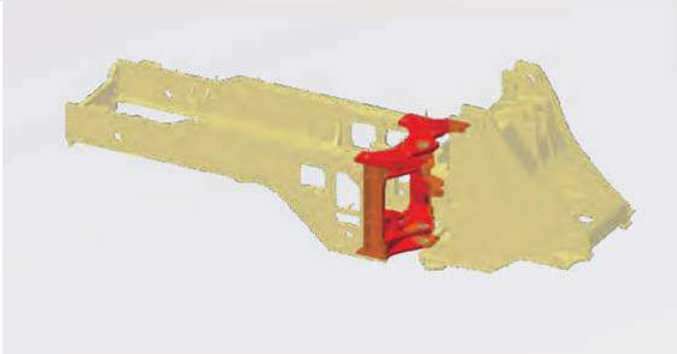
Bạc lót ổ trục HM gia tăng thời gian cần bôi trơn

Các bạc lót ổ trục giúp tăng thời gian cần bôi trơn cho các chốt nối lên đến 500 giờ, từ đó giảm thời gian và chi phí cho quá trình bảo dưỡng. Bạc lót ổ trục HN™ giữ được một lượng mỡ bôi trơn khi nạp vào. Điều này làm gia tăng khoảng thời gian cần bôi trơn cho các chốt nối ở các khớp nối. Chất bôi trơn chỉ cần được bổ sung mỗi khi ắc cần được bôi trơn.



Khung máy cứng chắc

Khung chính và các mối nối được gia cường toàn bộ. Cấu trúc mặt cắt dạng hộp được cố định bởi các chốt định tâm, nơi có lực tập trung lớn, dùng để gia cường lực. Bề dày các thanh khung máy được xác định một cách tối ưu nhờ vào hệ thống phân tích ứng suất 3D.



Sơn chất lượng cao

Công tác xử lý sơn tinh vi củ aKCM sử dụng lớp sơn lót LED (mạ bằng điện) một lớp hoàn thiện bằng Urethane Alkyd cũng như một lớp siêu bảo vệ bằng hợp chất fluoroc tạo nên sản phẩm bền vững và đẩy thu hút.



Mới

Cầu thang có gập

Để tăng độ an toàn và khả năng dễ dàng tiếp cận cabin, các thang lên cabin được thiết kế có độ nghiêng. Ngoài ra các thanh vịn tay được lắp ở nơi rất thuận tiện cho việc lên xuống cabin.



Quạt làm mát tự động quay quay ngược để giảm bám bụi trên quạt (tùy chọn)

Quạt làm mát có khả năng tự động quay ngược nhằm giữ cho bộ phận tản nhiệt luôn trong trạng thái sạch. Quạt tự động quay ngược cứ sau 30 phút để thổi bụi ra ngoài bộ làm mát. Tắm che bộ làm mát có thể xoay lên để tăng hiệu quả tuần hoàn khí.



KHOẢNG THỜI GIAN CẦN BÔI TRƠN CHO CÁC KHỚP NỐI PHỔ THÔNG LÀ 12000H

Các khớp nối phổ thông đã được làm kín chỉ yêu cầu bôi mỡ mỗi 12 000 giờ. Điều này giúp giảm một lượng lớn chi phí bảo trì và tạo nên độ bền tuyệt vời hơn cho máy.

Bộ tản nhiệt cánh rộng (tùy chọn)

Bộ tản nhiệt cánh rộng là sẵn có trong môi trường làm việc nhiều bụi, nơi mà các hạt bụi lơ lửng trong không khí với lưu lượng lớn, nhằm tránh hiện tượng bụi gây nghẹt và gây ra gia tăng nhiệt cho máy. Việc tuần hoàn khí sẽ đơn giản và dễ dàng.

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT

Tiêu chuẩn khí thải EPA Tier 3 / EU Stage IIIA
Model Name : 90Z6

Động cơ	
Công suất định mức (ISO 9249)	212 kW (248HP)/2100 vòng/phút
Model	Động cơ Diesel Cummins "QSM11"
Loại	4 thì, làm mát bằng nước, phun trực tiếp, với turbo tăng áp và bộ làm mát khí trong
Bơm nạp nhiên liệu	Phun áp lực cao Cummins
Bộ điều tốc	Loại điện tử, mọi tốc độ
Loại làm mát	Quạt làm mát dẫn động bằng thủy lực tản nhiệt điều áp
Số xy lanh	6
Đường kính x Khoảng chạy	125mm x 147mm
Tổng dung tích	10.82 lít
Lọc gió	Loại khô (2 lõi)
Mô tơ để khởi động máy	DC 24V-9kW (12.1HP)
Ắc qui	DC12V-114Ah (765CCA) x2
· Về phạm vi nhiên liệu, vui lòng tham khảo ý kiến của nhà phân phối KCM tại địa phương.	

Hộp số và Bộ biến mô		
Bộ biến mô	3 bộ phận, 1 stator, 1 rotor	
Hộp số	Truyền động hết công suất thông qua trục truyền chung	
	Chế độ thông thường	Chế độ Power
Vận tốc: Tiến	Số 1: 6.8km/h	Số 1: 6.8km/h
	Số 2: 11.5km/h	Số 2: 11.5km/h
	Số 3: 21.6 km/h	Số 3: 21.6 km/h
	Số 4: 34.7km/h	Số 4: 34.7km/h
Vận tốc: Lùi	Số 1: 6.8km/h	Số 1: 6.8km/h
	Số 2: 11.5km/hr	Số 2: 11.5km/h
	Số 3: 21.6 km/h	Số 3: 21.6 km/h
	Số 4: 34.7km/h	Số 4: 34.7km/h

Lượng dầu nhớt	
Thùng nhiên liệu (Diesel)	370 lít
Nhớt động cơ (gồm cả dầu ở đáy cacte)	34 lít
Nước làm mát động cơ	40 lít
Hộp số	52 lít
Cầu (trước/sau)	48/48 lít
Thùng dầu thủy lực	123 lít
Hệ thống thủy lực (tính cả thùng dầu)	230 lít

Hệ thống phanh	
Phanh chính	Phanh đĩa ướt trên 4 bánh xe Được kiểm soát hoàn toàn bằng thủy lực, 2 mạch
Phanh đỗ / Phanh khẩn cấp	Tác động bằng lò xo, mở bằng áp lực dầu thủy lực. Gắn ở trên trục hộp số

Hệ thống tải vật liệu		
Thời gian của chu kỳ thủy lực/ Nằm phía trước, hệ thống nối hình Z		
	Chế độ thông thường	Chế độ nhanh
Thời gian nâng (gấu đẩy)	5.8 giây	5.8 giây
Thời gian hạ (gấu trống)	3.0 giây	3.0 giây
Thời gian đổ vật liệu	1.4 giây	1.4 giây
Tổng chu kỳ	10.2 giây	10.2 giây

Hệ thống lái	
Loại	Lái qua khung khớp xoay
Cơ chế lái	Lái bằng thủy lực, với Orbitroll

Hệ thống thủy lực		
Xylanh nâng	2 pit tổng tác động 2 chiều 145mm x 930mm	
Xylanh nghiêng	1 pit tổng tác động 2 chiều 185mm x 510mm	
Xylanh lái chuyển	2 pit tổng tác động 2 chiều 70mm x 542mm	
Bơm dầu chính	Loại pitt tổng nhiều tầng: 29.4 MPa	
Bơm dầu phanh và điều khiển	Bánh răng: 14.7 MPa	
Áp cài đặt van xả	Tải	29.4 MPa
	Lái	29.4 MPa

Hệ thống cầu	
Hệ thống dẫn động	Dẫn động 4 bánh
Cầu trước/sau-	Loại bán tự do
Lốp	26.5-25-20 PR (L3)
Bộ giảm tốc và hộp số vi sai	Bánh răng cùi thơm, bộ giảm tốc đơn cấp loại truyền thống
Bánh răng giảm tốc cuối cùng	Được lắp ở phía ngoài (bánh xe), loại bánh răng hành tinh
Góc dao động	±10°

Thông tin trang bị

Trang bị cơ bản

Động cơ

Lọc gió, hai lõi	Lọc nhiên liệu tinh
Lọc gió sơ cấp (Sy-Klone)	Động cơ Diesel Cummins "QSM 11"
Lọc nhớt động cơ	Đường ống xả nhớt động cơ

Hệ thống truyền lực

Hộp số tự động với hệ thống cảm biến tải	Công tắc Quick power TPD (Kiểm soát mô-men xoắn)
Chuyển đổi vị trí cắt li hợp	Lựa chọn chế độ di chuyển (Auto1-Auto2)
DSS (Tay gạt bên trái vỏ lằng)	
Tay trang trí/lùi	
Công tắc Power mode	

Hệ thống làm mát

Quạt làm mát với cảm biến nhiệt	Bộ tản nhiệt tiêu chuẩn trong két làm mát
---------------------------------	---

Hệ thống thủy lực

Bộ cảm biến vị trí (Tự động kích hoạt lại chế độ kiểm soát việc xúc vật liệu)	Lọc dầu thủy lực
Cần điều khiển (2 tay trang điều khiển)	Hệ thống tự do cho trục nâng gầu
Van 2 cấp	Điều khiển nâng hạ gầu
Công tắc khóa an toàn	Mất thăm nhớt

Điện

Tín hiệu di chuyển lùi máy	Tín hiệu với công tắc cảnh báo
Ắc qui (120AH-760A)	Đèn cabin trước (2)
Phanh và đèn sau đuôi xe	Đèn sau hai bên lưới tản nhiệt phía sau (2)
Đèn cốt	
Đèn pha	

Cabin

Điều chỉnh cột lái	Miếng lót sàn cao su
Gạt tàn thuốc, mỗi lửa	Hộc để đồ: Hộc để ly, tay giữ các thiết bị kỹ thuật số, Hộc để tài liệu, Hộp làm lạnh và làm nóng, Tầm lút lưng ghế
Điều hòa tự động với bộ lọc lưu lượng đơn	Tấm che nắng
Móc áo	Núm xoay vỏ lằng
Sưởi kính trước/sau	Kính an toàn (cường lực)
Ngăn đựng găng tay	Thanh vệ sinh kính chắn gió trước và sau
Ghế cơ/lắp lò xo: vải, tựa lưng, điều chỉnh độ nghiêng cần lái, vị trí trước - sau, góc nghiêng, trọng lượng và chiều cao	Thanh gạt nước kính chắn gió trước và sau
Không trang bị ROPS / FOPS	
Gương chiếu hậu (Trong (2), ngoài (2))	

Hệ thống giám sát

Đồng hồ Nhiệt độ nước làm mát Nhiên liệu Nhiệt độ hộp số	Màn hình LCD Đồng hồ ECO Vị trí lái F-N-R Giữ Đồng hồ báo số giờ làm việc Đồng hồ công tơ mét Các khoảng thời gian thay thế Kiểm soát lái Đồng hồ đo vận tốc
Đèn báo Tắt nguyền lọc gió Áp suất dầu phanh thấp Đèn chiếu sáng Khóa an toàn Cảnh báo đổ vật liệu Lái chuyển khẩn cấp Cảnh báo về động cơ Quạt quay ngược Tắt nguyền lọc nhiên liệu Công tắc lựa chọn di chuyển tới/ lùi Đèn pha Nhiệt độ nhớt thủy lực Bảo dưỡng Phanh đỗ Chế độ Power Xông máy Đai an toàn Dịch vụ Nhớt hộp số Nắp ca pô khóa lại được	Các đèn cảnh báo Áp dầu phanh thấp Áp lực nhớt động cơ thấp Quá nhiệt Áp dầu trợ lái thấp


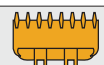

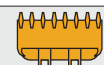
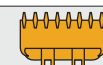
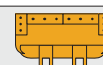
Khác

Thanh khóa khớp xoay	Thanh lên cabin, lắp nghiêng	Nắp ống nạp liệu khóa được	Phanh đỗ tác động bằng lò xo, mở bằng thủy lực
Đổi trọng (2,540 kg)	Móc nâng và neo	Khởi động an toàn ở vị trí trung gian	Trục nâng gầu tiêu chuẩn
Móc kéo với chốt khóa	Ắc cho khớp nối, bạc lót ổ trục loại HN	Hệ thống ghi nhận dữ liệu	Thang, phía sau
Về xe phía sau	Nắp ca pô động cơ khóa được	Chân phanh loại đơn	Mối nối vận chuyển dạng chữ Z

Trang bị tùy chọn

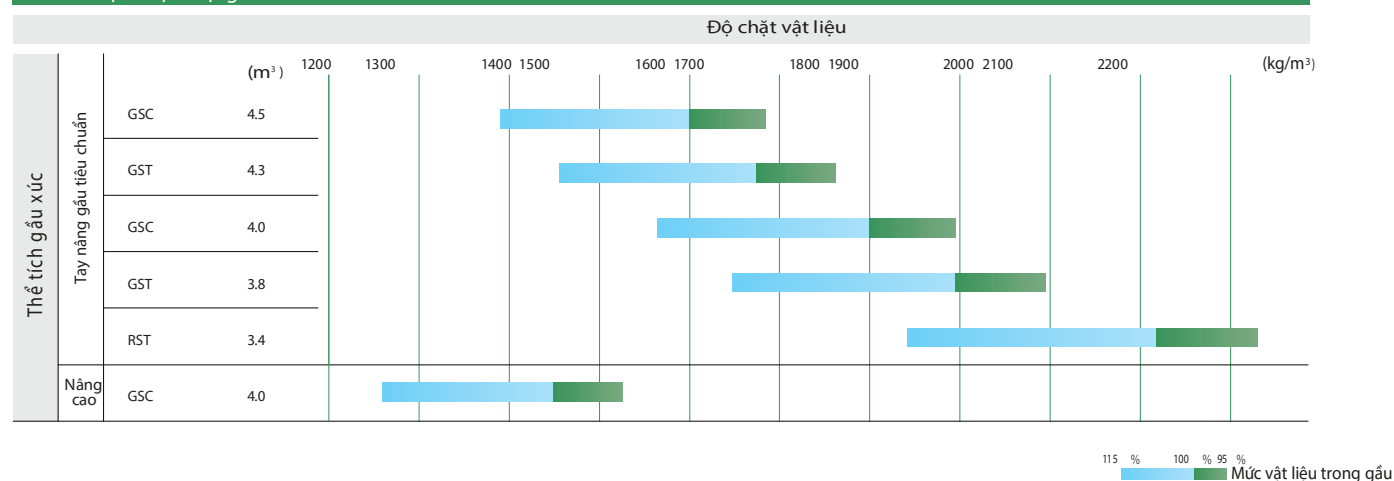
Nắp chắn mưa cho đường ống nạp khí	Thiết bị bảo vệ xi lanh nâng gầu	Chắn bùn cho bánh phía trước và sau	Hệ thống kiểm soát dọc đường (OFF-AUTO)
Lọc gió sơ cấp	Tay trang điều khiển đa chức năng (Tay trang MF)	Trục nâng gầu cao	Cabin ROPS (ISO3471), FOPS (ISO3449)
Radio AM/FM	Cần điều khiển với van điều khiển cấu tạo bởi 3 thanh trượt	Ắc qui dung lượng lớn (147AH-930A)	Đèn tín hiệu xoay
Radio AM/FM và bộ phát đĩa kỹ thuật số thêm	2 pedal phanh (LH & RH)	Đèn LED phía sau	Mode trì hoãn khi sang số
Điều hòa tự động với lọc thứ cấp 2 lớp	Bộ cảm biến vị trí tự động khi nâng gầu	LSD (Bộ vi sai chống trượt, phía trước)	Bộ tản nhiệt cánh rộng
Quạt làm mát có thể đảo chiều quay tự động với các cảm biến	Lái chuyển khẩn cấp	Trang web quản lý thiết bị cho chủ sở hữu	Các đèn làm việc, đèn phụ phía trước cabin (2)
Công tắc ngắt mát	Công tắc lựa chọn di chuyển tới/lùi	Gương chiếu hậu, nhìn phía dưới	Các đèn làm việc, đèn phụ phía sau cabin (2)
Bộ phận bảo vệ phía dưới bụng máy		Camera và bộ giám sát phía sau	Nguồn ra 12V

Gầu

			Tay nâng gầu tiêu chuẩn					Nâng cao	
			Mục đích chung vật liệu rời		Mục đích chung vật liệu chất đống		Đá, cắt mép đứng	Vật liệu rời	
			Tầm mép bu lông	Gắn bằng răng	Tầm mép bu lông	Gắn bằng răng	Gắn bằng răng	Tầm mép bu lông	
			GSC	GST	GSC	GST	RST	GSC	
									
Dung tích gầu	vật liệu chất đống	m ³	4.5	4.3	4.0	3.8	3.4	4.0	
	vật liệu ngang mặt	m ³	4.0	3.8	3.5	3.3	2.9	3.5	
A	Khoảng sáng tối đa khi nâng gầu (đầy tải)	mm	3,010	2,890	3,095	2,975	3,000	3,550	
B	Khoảng tiếp cận tối đa khi nâng gầu (có tải)	mm	1,300	1,370	1,215	1,280	1,235	1,245	
C	Chiều cao tối đa của ác chốt ty nâng gầu	mm	4,410						4,865
D	Chiều sâu đào (theo độ sâu gầu xúc)	mm	95	125	95	125	125	95	
Lực xúc đất		kN	177	189	192	207	212	192	
Góc nghiêng gầu ra sau khi di chuyển		độ	50						48
E	Chiều dài tổng thể	mm	8,910	9,050	8,790	8,930	8,900	9,240	
Chiều cao tổng thể		F Đến đỉnh cabin	3,470						
	G Nâng gầu tối đa	mm	6,215		6,100		5,775	6,555	
Chiều rộng tổng thể	H Tính ở mép ngoài lớp	mm	2,930						
	I Tính ở mép ngoài gầu	mm	3,100	3,120	3,100	3,120	3,120	3,100	
J Khoảng cách 2 tâm lớp bánh xe		mm	2,230						
K Chiều dài cơ sở		mm	3,450						
Bán kính vòng quay tối thiểu (di chuyển lúc có mang tải)	L Từ mép ngoài gầu	mm	7,360	7,415	7,330	7,385	7,375	7,520	
	L' Tính từ tâm mép ngoài gầu	mm	6,270						
M Khoảng sáng gầm tối thiểu		mm	505						
Góc khớp xoay tối đa		độ	37						
Trọng lượng vận hành với cabin ROPS		kg	23,230	23,090	23,100	22,970	23,180	23,410	
Tải trọng không tải lúc đổ vật liệu	Vị trí máy thẳng	kg	18,080	18,260	18,230	18,410	18,440	15,090	
	Xoay tối đa	kg	15,770	15,930	15,900	16,060	16,090	13,160	

Trọng lượng và số liệu bao gồm bánh đặc loại (26.5-25-20PR L3), ROPS cabin, chất bôi trơn, nước làm mát, đối trọng (2.540kg) thùng nhiên liệu đổ đầy và người vận hành (75kg).

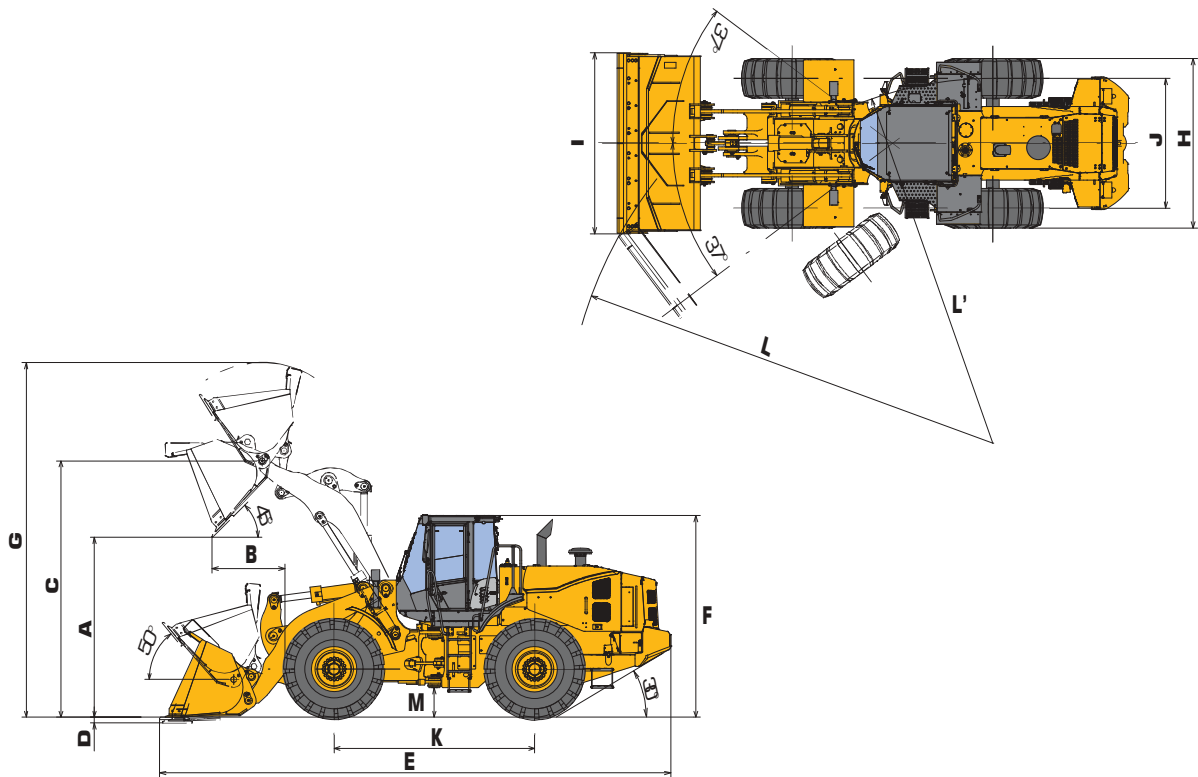
Biểu đồ lựa chọn loại gầu xúc



Trọng lượng và kích thước

Những hạng mục tùy chọn		Trọng lượng vận hành	Độ chênh lệch tải			Bề rộng tổng thể (lốp phía ngoài)	Chiều cao tổng thể	Chiều dài tổng thể
			Đi thẳng	Quay máy tối đa				
26.5R25 (L3)	kg	±0	±0	±0	mm	±0	±0	±0
26.5R25 (L4)	kg	+400	+290	+260	mm	+15	+30	-25
26.5R25 (L5)	kg	+740	+550	+480	mm	+15	+30	-25
Lốp 26.5-25-20PR (L3)	kg	±0	±0	±0	mm	±0	±0	±0
26.5-25-20PR (L4)	kg	+480	+350	+310	mm	±0	±0	±0
26.5-25-20PR (L5)	kg	+840	+620	+540	mm	±0	±0	±0
Cabin mểm (thay thế ROPS / FOPS cabin)	kg	-250	-230	-200	mm	—	—	—
Bộ phận bảo vệ phía dưới bụng máy	kg	+95	+100	+90	mm	—	—	—

Kích thước



Trang bị với lốp đặc 26.5-25-20(L3) và ROPS cabin

Lưu ý:

- * Các loại vật liệu và đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước và có thể sẽ không tuân theo sự thay đổi của đơn vị sản xuất phụ tùng dùng trên thiết bị
 - * Thông tin này, mặc dù hoàn toàn đáng tin cậy song nó không có nghĩa để xem xét như minh chứng hợp pháp cho việc yêu cầu bảo hành
 - * Khoảng sáng và khoảng tiếp cận khi gầu mang tải được xác định từ mép của gầu xúc theo tiêu chuẩn SAE J732C.
 - * Màu cho các model trong tiếp cận giới thiệu này theo tiêu chuẩn của KCM là màu vàng
 - * Đối trọng (tùy chọn) không nên sử dụng khi máy là bánh lốp chứa phụ gia bên trong
 - * Bảng đặc tính kỹ thuật này có thể chứa các đính kèm và trang bị tùy chọn mà không sử dụng ở thị trường của bạn.
- Vui lòng liên hệ với các đại lý KCM địa phương để chọn các hạng mục tùy chọn mà bạn mong muốn

LỊCH SỬ

Việc phát triển khớp nối chữ Z kiểu khớp xoay đầu tiên trên dòng máy xúc lật trong thập niên 1962 tại Nhật Bản đã trở thành một tài sản quý giá của KCM. Với bề dày 50 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực, KCM là một trong số những đơn vị dẫn đầu trên thị trường xe xúc lật toàn thế giới và thương hiệu xe xúc lật KCM chính là cội nguồn niềm tự hào của Nhật. Điều này đã đưa Nhật trở thành một biểu tượng của chất lượng khắp thế giới như là một chuyên gia về dòng xe xúc lật. KCM luôn tập trung đáp ứng các yêu cầu của khách hàng với những đổi mới về công nghệ. "Công suất, Bền bỉ, Đáng tin cậy" chính là slogan không thay đổi kể từ khi thành lập, hơn nửa thế kỷ qua, KCM đã cung cấp hàng loạt máy công suất và chất lượng cao và đảm bảo luôn là nhà cung ứng thiết bị máy xúc lật hàng đầu thế giới. Hoạt động trong mọi điều kiện làm việc và phạm vi ứng dụng, xe xúc lật KCM đã tạo nên tiêu chuẩn trong ngành. KCM không ngừng phát triển hơn nữa, điển hình là công nghệ vật mép đã được tung ra và được đón nhận trên thị trường.



KCM Corporation

<http://www.khi.co.jp/kenki/english/>

C09061XE01 Jul.'15 Printed in Japan